

Bản án số: 55/2021/HS-ST

Ngày: 06/9/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY – TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Huy

Ông Lê Quang Thạch

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương, Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện VKSND huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Phan Lộc Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2021/TLST-HS ngày 06/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-HS ngày 24/8/2021, đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị Thu H**, sinh ngày 20/6/2002 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình, nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu H, sinh năm 1977 và bà: Nguyễn Thị N sinh năm 1981; sống chung như vợ chồng với Hoàng Viết T, sinh năm 2001, trú tại: Thôn H, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; con: Có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/5/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại:***

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

+ Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

+ Chị Dương Thị Hải Y, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 21/4/2021, Nguyễn Thị Thu H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 73H1-262.43 của anh Nguyễn Hữu T từ thôn M, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình về nhà ở thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, phát hiện nhà bà Nguyễn Thị P ở thôn N khóa cổng nhưng cửa chính không khóa, không có người nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H dừng xe sát đường rồi trèo qua hàng rào, đi theo đường cửa chính vào trong phòng ngủ, thấy có 01 tủ nhựa màu vàng, H mở cửa tủ ra lục tìm thì phát hiện bên trong ngăn tủ phía trên bên phải có 01 túi xách màu đỏ, trong đó có 01 quyển sổ màu đen kẹp 01 xấp tiền, H lấy số tiền bỏ vào túi quần rồi để túi xách lại chỗ cũ. Sau đó H tiếp tục nhấc áo quần ở trong ngăn tủ đó lên thì thấy 01 hộp trang sức màu cam để trong góc tủ, H lấy trộm bỏ vào túi quần rồi đóng cửa tủ lại, điều khiển xe đi về nhà. Sau khi về nhà, H kiểm tra hộp trang sức đã trộm được thì thấy bên trong có 01 sợi dây chuyền và 01 sợi dây đeo tay bằng kim loại màu vàng cùng số tiền là 1.260.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 04/5/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lệ Thủy kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng vàng loại 9999, khối lượng 03 chỉ, có trị giá: 15.720.000 đồng; 01 sợi dây đeo tay bằng vàng loại 9999, khối lượng 03 chỉ, có trị giá 15.720.000 đồng. Tổng trị giá 31.440.000 đồng.

*Về vật chứng:* Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Lệ Thủy tạm giữ 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 sợi dây đeo tay bằng kim loại màu vàng; tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.260.000 đồng. Tất cả đều có đặc điểm như mô tả tại biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 22/4/2021 và ngày 26/5/2021. Sau đó Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị P.

*Về dân sự:* Bị hại bà Nguyễn Thị Phúc đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số: 56/CT-VKSNDLT ngày 06/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Qua tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng; vật chứng, Cơ quan Điều tra đã xử lý; trách nhiệm dân sự, bị hại không có yêu cầu nên không đề nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Lệ Thủy, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình

tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng không ai có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu H khai nhận tất cả hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Bị cáo khai khoảng 17 giờ ngày 21/4/2021, sau khi chở chị Y về nhà chị Y, bị cáo trên đường trở về nhà mình, biết bà Nguyễn Thị P đang đi kị tại nhà bố của mình, thấy cửa cổng khóa, cửa nhà không khóa, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để kiếm tiền chữa bệnh cho con, vì con bị bệnh về máu nên bị cáo trèo qua hàng rào, lén lút vào trong nhà giật cánh cửa tủ nhựa ra và lấy trộm 01 sợi dây chuyền vàng, 01 sợi dây đeo tay vàng và 1.260.000 đồng, đến ngày 22/4/2021, bị cáo đem đi bán thì bị lực lượng Công an phát hiện và thu giữ. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan cũng như các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra đã thu thập, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 01 sợi dây chuyền bằng vàng loại 9999, khối lượng 03 chỉ; 01 sợi dây đeo tay bằng vàng loại 9999, khối lượng 03 chỉ, trị giá 31.440.000 đồng và tiền mặt 1.260.000 đồng. Tổng trị giá 32.700.000 đồng. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác; gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang lo lắng cho nhân dân. Bị cáo trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị P là o ruột của mình, khi biết bà P đang đi kị gối ở nhà bố của mình nên nhà không có người, bị cáo đã trèo qua hàng rào, đột nhập vào nhà phá cửa tủ trộm cắp tài sản là tiền và vàng của bà P, sau đó bà P đã điện thoại cho bố của bị cáo (bị cáo nghe máy) thông báo bị mất trộm, đến sáng hôm sau, bị cáo đưa số vàng trộm được đi bán thì bị bắt, chứng tỏ bị cáo thực hiện hành vi đến cùng. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án cũng như xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại bà Nguyễn Thị P có đơn và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, đồng thời xem xét về nhân thân của người phạm tội: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi

cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo tốt nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục là vừa phải, tạo điều kiện cho bị cáo tự tu dưỡng và rèn luyện bản thân trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội là phù hợp với Điều 65 của Bộ luật Hình sự và cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Trong vụ án này, anh Nguyễn Hữu T cho bị cáo mượn xe mô tô BKS 73H1-262.43 nhưng anh T không biết H sử dụng xe để trộm cắp tài sản nên không phạm tội.

[5]. Vật chứng: Các vật chứng đã thu giữ, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, Hội đồng xét xử không xem xét;

[6]. Về dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị P đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[8]. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm Tội trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/9/2021).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền xã S trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/9/2021), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày

bản án được niêm yết, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- VKSND t. Quảng Bình;
- TAND t. Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Công an h. Lệ Thủy;
- Sở Tư pháp t. Quảng Bình;
- Bộ phận THAHS;
- Lưu HS, VP.

***Trương Thị Nhàn***